Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Tỉnh Quảng Ngãi
21/07/2025 15:50:49

Phụ biểu số 01.61

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ IA CHIM

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**8.918**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.727
2	Lệ phí trước bạ	2.100
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	23
4	Thuế thu nhập cá nhân	598
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	1.204
6	Thu tiền sử dụng đất	2.250
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	916
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	100
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**62.731**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	62.731
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	601
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	601
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	62.130
-	*Bổ sung cân đối (*)*	58.222
-	*Bổ sung có mục tiêu*	3.908
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.62

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK RƠ WA

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**175.999**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	7.692
2	Lệ phí trước bạ	5.200
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	67
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.369
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	1.405
6	Thu tiền sử dụng đất	55.774
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	754
8	Thu tiền cho thuê đất	
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	1.023
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	100
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	2
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	102.613
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**98.242**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	98.242
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	6.111
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	6.111
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	92.131
-	*Bổ sung cân đối (*)*	85.853
-	*Bổ sung có mục tiêu*	6.277
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trd lên 2,34 trd

Phụ biểu số 01.63

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK PXI

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**25.796**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	22.290
2	Lệ phí trước bạ	158
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1
4	Thuế thu nhập cá nhân	77
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	58
6	Thu tiền sử dụng đất	170
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	2.380
8	Thu tiền cho thuê đất	460
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	202
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**63.225**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	63.225
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	80
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	49
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	31
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	63.145
-	*Bổ sung cân đối (*)*	62.320
-	*Bổ sung có mục tiêu*	825
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.64

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK MAR

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**89.381**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	530
2	Lệ phí trước bạ	1.766
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	32
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.200
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	573
6	Thu tiền sử dụng đất	5.730
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	30
8	Thu tiền cho thuê đất	1.800
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	620
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	6.100
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	70.000
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**65.678**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	65.678
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	437
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	273
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	164
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	65.241
-	*Bổ sung cân đối (*)*	63.911
-	*Bổ sung có mục tiêu*	1.330
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.65

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK UI

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**1.585**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	370
2	Lệ phí trước bạ	326
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	207
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	97
6	Thu tiền sử dụng đất	130
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	300
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	125
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	30
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**62.147**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	62.147
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	137
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	69
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	68
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	62.010
-	*Bổ sung cân đối (*)*	60.746
-	*Bổ sung có mục tiêu*	1.264
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trd lên 2,34 trd

Phụ biểu số 01.66

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGỌK RÉO

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**1.257**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	220
2	Lệ phí trước bạ	400
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	450
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	82
6	Thu tiền sử dụng đất	70
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	35
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**61.978**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	61.978
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	137
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	57
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	80
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	61.841
-	*Bổ sung cân đối (*)*	60.807
-	*Bổ sung có mục tiêu*	1.035
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.67

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK HÀ

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**32.081**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	9.590
2	Lệ phí trước bạ	5.850
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	147
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.566
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	2.350
6	Thu tiền sử dụng đất	3.400
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	350
8	Thu tiền cho thuê đất	1.200
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	3.068
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	560
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**116.451**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	116.451
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.221
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	930
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	291
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	115.230
-	*Bổ sung cân đối (*)*	112.679
-	*Bổ sung có mục tiêu*	2.551
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trd lên 2,34 trd

Phụ biểu số 01.68

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGỌK TỤ

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**11.733**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	10.117
2	Lệ phí trước bạ	95
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	524
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	144
6	Thu tiền sử dụng đất	15
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	750
8	Thu tiền cho thuê đất	10
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	78
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**72.370**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	72.370
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	103
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	51
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	52
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	72.267
-	*Bổ sung cân đối (*)*	66.625
-	*Bổ sung có mục tiêu*	5.642
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.69

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK TÔ

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**133.733**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	84.303
2	Lệ phí trước bạ	5.246
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	97
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.486
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	1.891
6	Thu tiền sử dụng đất	14.950
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	800
8	Thu tiền cho thuê đất	1.053
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	2.857
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	2.150
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	900
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	16.000
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**148.324**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	148.324
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	2.491
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	746
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	1.745
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	145.833
-	*Bổ sung cân đối (*)*	134.653
-	*Bổ sung có mục tiêu*	11.180
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.70

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ KON DÀO

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**2.634**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.080
2	Lệ phí trước bạ	59
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3
4	Thuế thu nhập cá nhân	390
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	125
6	Thu tiền sử dụng đất	35
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	100
8	Thu tiền cho thuê đất	737
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	105
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**80.489**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	80.489
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	218
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	144
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	74
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	80.271
-	*Bổ sung cân đối (*)*	73.660
-	*Bổ sung có mục tiêu*	6.612
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.71

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK SAO

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**689**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	204
2	Lệ phí trước bạ	120
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	50
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	45
6	Thu tiền sử dụng đất	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	50
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	220
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**50.145**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	50.145
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	41
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	41
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	50.104
-	*Bổ sung cân đối (*)*	48.462
-	*Bổ sung có mục tiêu*	1.642
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.72

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK TỜ KAN

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**904**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	424
2	Lệ phí trước bạ	120
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	25
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	65
6	Thu tiền sử dụng đất	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	50
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	220
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**58.054**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	58.054
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	44
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	44
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	58.010
-	*Bổ sung cân đối (*)*	56.783
-	*Bổ sung có mục tiêu*	1.227
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.73

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ TU MƠ RÔNG

(Kèm theo Quyết định số 03 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**45.912**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	37.361
2	Lệ phí trước bạ	640
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	645
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	246
6	Thu tiền sử dụng đất	100
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	5.350
8	Thu tiền cho thuê đất	200
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	770
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	600
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**62.073**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	62.073
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	118
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	108
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	10
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	61.955
-	*Bổ sung cân đối (*)*	60.743
-	*Bổ sung có mục tiêu*	1.212
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.74

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MĂNG RI

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**12.395**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	9.611
2	Lệ phí trước bạ	120
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	170
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	94
6	Thu tiền sử dụng đất	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	2.010
8	Thu tiền cho thuê đất	100
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	290
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**87.337**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	87.337
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	87
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	87
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	87.250
-	*Bổ sung cân đối (*)*	83.926
-	*Bổ sung có mục tiêu*	3.324
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trd lên 2,34 trd

Phụ biểu số 01.75

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ BỜ Y

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**417.707**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	29.975
2	Lệ phí trước bạ	6.136
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	147
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.980
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	22.244
6	Thu tiền sử dụng đất	24.450
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	900
8	Thu tiền cho thuê đất	1.530
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	5.270
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	2.075
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	320.000
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**130.934**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	130.934
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	4.067
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	4.067
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	126.867
-	*Bổ sung cân đối (*)*	118.954
-	*Bổ sung có mục tiêu*	7.913
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.76

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SA LOONG

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**11.810**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	175
2	Lệ phí trước bạ	878
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.150
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	93
6	Thu tiền sử dụng đất	250
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	800
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	150
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	7.306
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**48.853**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	48.853
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	279
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	279
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	48.574
-	*Bổ sung cân đối (*)*	44.763
-	*Bổ sung có mục tiêu*	3.811
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.77

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ DỤC NÔNG

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	57.062
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	53.850
2	Lệ phí trước bạ	486
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15
4	Thuế thu nhập cá nhân	370
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	1.242
6	Thu tiền sử dụng đất	300
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	600
8	Thu tiền cho thuê đất	
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	180
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	19
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**81.846**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	81.846
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	177
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	177
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	81.669
-	*Bổ sung cân đối (*)*	73.061
-	*Bổ sung có mục tiêu*	8.608
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.78

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ XÓP

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**2.670**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.980
2	Lệ phí trước bạ	70
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	180
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	110
6	Thu tiền sử dụng đất	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	20
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	150
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	160
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**36.985**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	36.985
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	330
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	330
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	36.655
-	*Bổ sung cân đối (*)*	36.124
-	*Bổ sung có mục tiêu*	531
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.79

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ NGỌC LINH

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**90**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	
2	Lệ phí trước bạ	20
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	20
6	Thu tiền sử dụng đất	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	50
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**44.493**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	44.493
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	90
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	90
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	44.403
-	*Bổ sung cân đối (*)*	43.641
-	*Bổ sung có mục tiêu*	762
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.80

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK PLÔ

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**6.610**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	4.645
2	Lệ phí trước bạ	60
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	810
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	30
6	Thu tiền sử dụng đất	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	20
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	170
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	875
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	47.835
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	47.835
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	260
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	260
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	47.575
-	*Bổ sung cân đối (*)*	47.028
-	*Bổ sung có mục tiêu*	547
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.81

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK PÉK

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**14.146**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	4.645
2	Lệ phí trước bạ	1.700
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	36
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.320
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	1.600
6	Thu tiền sử dụng đất	1.000
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	690
8	Thu tiền cho thuê đất	190
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	1.430
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	1.235
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	300
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**72.577**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	72.577
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	4.866
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	4.866
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	67.711
-	*Bổ sung cân đối (*)*	67.173
-	*Bổ sung có mục tiêu*	538
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.82

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK MÔN

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**2.524**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.770
2	Lệ phí trước bạ	100
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4
4	Thuế thu nhập cá nhân	60
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	240
6	Thu tiền sử dụng đất	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	50
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	250
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	50
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**45.372**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	45.372
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	594
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	594
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	44.778
-	*Bổ sung cân đối (*)*	44.317
-	*Bổ sung có mục tiêu*	461
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.83

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SA THẦY

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**55.636**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	38.950
2	Lệ phí trước bạ	3.130
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	51
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.050
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	1.417
6	Thu tiền sử dụng đất	7.190
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	80
8	Thu tiền cho thuê đất	105
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	2.050
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	613
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**83.876**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	83.876
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	1.422
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	1.422
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	82.454
-	*Bổ sung cân đối (*)*	77.699
-	*Bổ sung có mục tiêu*	4.755
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.84

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ SA BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**36.074**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	32.062
2	Lệ phí trước bạ	795
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.630
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	60
6	Thu tiền sử dụng đất	1.350
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	60
8	Thu tiền cho thuê đất	100
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	13
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**74.418**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	74.418
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	414
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	414
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	74.004
-	*Bổ sung cân đối (*)*	66.143
-	*Bổ sung có mục tiêu*	7.861
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.85

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ YA LY

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**3.466**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	430
2	Lệ phí trước bạ	385
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5
4	Thuế thu nhập cá nhân	300
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	27
6	Thu tiền sử dụng đất	310
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	2.009
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**62.336**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	62.336
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	128
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	128
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	62.208
-	*Bổ sung cân đối (*)*	56.553
-	*Bổ sung có mục tiêu*	5.655
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.86

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ IA TƠI

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**94.233**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	33.177
2	Lệ phí trước bạ	935
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.243
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	705
6	Thu tiền sử dụng đất	5.000
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	5.880
8	Thu tiền cho thuê đất	2.200
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	1.094
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	44.000
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**77.819**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	77.819
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	723
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	723
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	77.096
-	*Bổ sung cân đối (*)*	68.518
-	*Bổ sung có mục tiêu*	8.578
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.87

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK KÔI

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**46.881**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	44.570
2	Lệ phí trước bạ	62
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	510
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	39
6	Thu tiền sử dụng đất	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	1.450
8	Thu tiền cho thuê đất	220
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	30
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**52.223**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	52.223
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	10
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	10
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	52.213
-	*Bổ sung cân đối (*)*	48.800
-	*Bổ sung có mục tiêu*	3.413
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.88

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ KON BRAIH

(Kèm theo Quyết định số: 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**34.065**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	27.725
2	Lệ phí trước bạ	1.650
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.025
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	732
6	Thu tiền sử dụng đất	200
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	700
8	Thu tiền cho thuê đất	318
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	280
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	1.400
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**97.247**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	97.247
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	210
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	210
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	97.037
-	*Bổ sung cân đối (*)*	93.012
-	*Bổ sung có mục tiêu*	4.025
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.89

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK RVE

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**6.254**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	2.705
2	Lệ phí trước bạ	488
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15
4	Thuế thu nhập cá nhân	165
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	179
6	Thu tiền sử dụng đất	200
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	1.000
8	Thu tiền cho thuê đất	112
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	1.390
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
12	Thu từ DN có vốn DTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**60.519**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	60.519
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	92
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	92
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	60.427
-	*Bổ sung cân đối (*)*	57.331
-	*Bổ sung có mục tiêu*	3.096
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trd lên 2,34 trd

Phụ biểu số 01.90

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MĂNG ĐEN

(Kèm theo Quyết định số: 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**223.147**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	37.908
2	Lệ phí trước bạ	4.100
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.940
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	1.574
6	Thu tiền sử dụng đất	120.000
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	3.500
8	Thu tiền cho thuê đất	1.565
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	3.050
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	43.910
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	300
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	1.200
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**108.203**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	108.203
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	6.982
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	6.982
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	101.221
-	*Bổ sung cân đối (*)*	96.034
-	*Bổ sung có mục tiêu*	5.187
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trd lên 2,34 trd

Phụ biểu số 01.91

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MĂNG BÚT

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**5.250**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	4.250
2	Lệ phí trước bạ	150
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	60
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	33
6	Thu tiền sử dụng đất	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	727
8	Thu tiền cho thuê đất	30
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**92.850**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	92.850
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	103
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	103
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	92.747
-	*Bổ sung cân đối (*)*	86.024
-	*Bổ sung có mục tiêu*	6.723
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.92

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ KON PLÔNG

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**310.803**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	293.842
2	Lệ phí trước bạ	150
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.500
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	143
6	Thu tiền sử dụng đất	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	13.923
8	Thu tiền cho thuê đất	5
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	50
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	190
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**86.611**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	86.611
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	105
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	105
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	86.506
-	*Bổ sung cân đối (*)*	77.987
-	*Bổ sung có mục tiêu*	8.519
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.93

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐĂK LONG

(Kèm theo Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**460**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	160
2	Lệ phí trước bạ	50
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	30
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	60
6	Thu tiền sử dụng đất	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	150
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	10
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**41.021**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	41.021
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	260
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	260
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	40.761
-	*Bổ sung cân đối (*)*	40.657
-	*Bổ sung có mục tiêu*	104
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ

Phụ biểu số 01.94

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ RỜ KƠI

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**14.127**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	13.188
2	Lệ phí trước bạ	390
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	250
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	25
6	Thu tiền sử dụng đất	150
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	120
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	4
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**40.707**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	40.707
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	90
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	90
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	40.617
-	*Bổ sung cân đối (*)*	35.209
-	*Bổ sung có mục tiêu*	5.408
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trd lên 2,34 trd

Phụ biểu số 01.95

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ MÔ RAI

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
A	B	1
I	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**20.097**
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	50
2	Lệ phí trước bạ	300
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.000
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	31
6	Thu tiền sử dụng đất	5.000
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	20
8	Thu tiền cho thuê đất	3.935
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	
10	Thu hoa lợi, quỹ đất công ích …tại xã	
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	9.761
12	Thu từ DN có vốn ĐTNN	
13	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	
14	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao	
15	Thuế bảo vệ môi trường	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
17	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
II	**Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)**	**44.289**
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	44.289
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	601
-	*Các khoản thu NS xã hưởng 100%*	601
-	*Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %*	
b	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	43.688
-	*Bổ sung cân đối (*)*	36.723
-	*Bổ sung có mục tiêu*	6.965
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: (*) Đã bao gồm kinh phí thực hiện CCTL từ 1,49 trđ lên 2,34 trđ